

Số: 385/QĐ-ĐHKTCN

Cần Thơ, ngày 18 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch chiến lược bảo đảm chất lượng giáo dục
của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2026-2030,
định hướng đến năm 2035**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 165/NQ-HĐT ngày 28 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến năm 2035;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035.

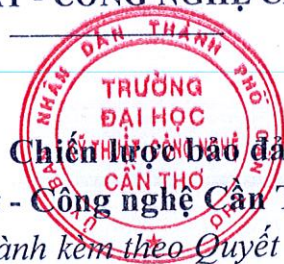
Điều 2. Các ông/bà Trưởng đơn vị trực thuộc và toàn thể cán bộ, viên chức có trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT, LeAnhTuan.



Huỳnh Thanh Nhã



KẾ HOẠCH

**Chiến lược bảo đảm chất lượng giáo dục của Trường Đại học
Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 385/QĐ-ĐHKTCN ngày 18 tháng 3 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

PHẦN I

BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

1. Bối cảnh

1.1. Thuận lợi

(1) *Cam kết của lãnh đạo và sự quan tâm của tập thể viên chức toàn trường:* Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhất quán coi chất lượng là trụ cột phát triển trường. Các nghị quyết, chiến lược, kế hoạch công tác đều xác định BĐCL giáo dục là ưu tiên. Sự ủng hộ của lãnh đạo tạo điều kiện thuận lợi về nguồn lực, cơ chế, phân công nhiệm vụ. Nhận thức của cán bộ, giảng viên ngày càng cải thiện, góp phần hình thành văn hóa chất lượng.

(2) *Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn ngày càng hoàn thiện:* Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhiều quy định mới, đặc biệt về hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, chuẩn chương trình đào tạo, kiểm định cơ sở giáo dục (CSGD) và chương trình đào tạo (CTĐT). Bối cảnh tự chủ đại học thúc đẩy các trường phải nâng cao chất lượng và tính minh bạch.

(3) *Hệ thống văn bản, quy trình BĐCL đã hình thành tương đối đầy đủ:* Trường đã ban hành tương đối đầy đủ các văn bản, bao gồm: Quy chế đào tạo, Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT, Quy trình khảo sát các bên liên quan, Quy trình tự đánh giá và kiểm định. Các văn bản này được cập nhật định kỳ, ngày càng phù hợp thực tiễn. Hệ thống quản trị theo PDCA (Plan-Do-Check-Act) giúp các đơn vị dễ dàng triển khai các hoạt động.

(4) *Đội ngũ cán bộ, giảng viên tích cực và có năng lực:* Nhiều giảng viên trẻ, có trình độ cao, tiếp cận tốt phương pháp giảng dạy hiện đại. Đội ngũ cán bộ phụ trách BĐCL ngày càng chuyên nghiệp, đã tham gia nhiều khóa tập huấn. Các đơn vị chủ động hơn trong việc xây dựng minh chứng, hoàn thiện chương trình đào tạo, cải tiến phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá.

(5) *Môi trường cạnh tranh là động lực cải tiến liên tục:* Tự chủ đại học thúc đẩy trường nâng cao chất lượng người học đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Xu hướng kiểm định bắt buộc tạo động lực hoàn thiện hệ thống BĐCL. Các trường trong khu vực cạnh tranh về chất lượng đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ hỗ trợ người học.

1.2. Khó khăn

(1) *Khó khăn về nhận thức và văn hóa chất lượng*: Nhận thức về vai trò BDCL chưa được thống nhất: một số bộ phận, cán bộ, giảng viên vẫn xem BDCL là nhiệm vụ của một đơn vị chuyên trách. Tư duy đối phó, hình thức, chủ yếu tập trung việc chuẩn bị hồ sơ khi có đợt kiểm định thay vì cải tiến thường xuyên. Văn hóa chất lượng chưa hình thành vững chắc, việc cải tiến liên tục chưa trở thành thói quen.

(2) *Khó khăn về cơ chế, chính sách và hệ thống văn bản*: Hệ thống văn bản nội bộ thiếu đồng bộ, đôi khi chồng chéo, chưa cập nhật kịp thời theo quy định mới. Một số quy trình chưa phù hợp thực tế, khó triển khai hoặc không khả thi. Thiếu cơ chế ưu tiên nhân lực, kinh phí cho hoạt động BDCL.

(3) *Khó khăn về dữ liệu và hệ thống thông tin*: Dữ liệu phân tán, không thống nhất giữa các đơn vị, thiếu chuẩn hóa. Hệ thống phần mềm quản lý giáo dục, quản lý khảo sát, quản lý minh chứng chưa đồng bộ hoặc chưa được số hóa đầy đủ. Thiếu mô hình quản trị dữ liệu phục vụ đánh giá và cải tiến. Khó đảm bảo độ chính xác, đầy đủ, cập nhật số liệu phục vụ tự đánh giá và kiểm định chất lượng.

(4) *Khó khăn về nguồn lực và đội ngũ BDCL*: Đội ngũ về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục chưa phân bố đồng đều giữa các đơn vị, thường là kiêm nhiệm, đa số thiếu chuyên môn sâu về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục. Các khoa thiếu chuyên gia có kinh nghiệm xây dựng chương trình đào tạo. Giảng viên chưa quen với chuẩn đầu ra, rubric, đánh giá dựa trên năng lực.

(5) *Khó khăn trong khảo sát và sự tham gia của các bên liên quan*: Tỷ lệ phản hồi khảo sát người học, cựu người học, doanh nghiệp còn thấp. Dữ liệu khảo sát thiếu chiều sâu, đôi khi thiếu độ tin cậy. Doanh nghiệp tham gia đánh giá chương trình đào tạo chưa thường xuyên theo định kỳ.

(6) *Khó khăn khi triển khai tự đánh giá và kiểm định*: Thu thập minh chứng tốn nhiều thời gian, phụ thuộc nhiều vào các đơn vị. Một số báo cáo tự đánh giá còn mang tính mô tả, thiếu phân tích và minh chứng. Kỹ năng viết báo cáo theo tiêu chuẩn của Bộ GDĐT chưa đồng đều. Việc theo dõi, đánh giá kết quả cải tiến sau kiểm định chưa thực sự hiệu quả.

(7) *Khó khăn trong gắn kết BDCL với quản trị chiến lược*: Hệ thống chỉ số đánh giá thực hiện công việc - KPIs (Key Performance Indicators) của các đơn vị và chương trình đào tạo chưa được liên kết chặt chẽ với chiến lược BDCL. Việc triển khai bộ chỉ số chất lượng đo lường kết quả đầu ra theo thời gian còn rời rạc. Công tác BDCL đôi khi còn chậm được tích hợp vào quá trình lập kế hoạch hàng năm tại các đơn vị. Việc cải tiến chất lượng chưa được lượng hóa và chưa trở thành căn cứ trong phân bổ nguồn lực.

(8) *Khó khăn trong chuyển đổi số hoạt động BDCL*: Chưa có một nền tảng số thống nhất tích hợp quản lý giáo dục, quản lý chương trình, minh chứng, khảo sát, KPIs. Năng lực công nghệ số của một bộ phận cán bộ, giảng viên còn hạn chế. Kinh phí đầu tư cho hệ thống BDCL số hóa còn thấp. Quy trình số hóa chưa được định hình một cách rõ ràng.

(9) *Khó khăn từ bối cảnh bên ngoài:* Quy định, thông tư thay đổi nhanh, trường khó thích ứng kịp. Yêu cầu của thị trường lao động thay đổi mạnh mẽ, đòi hỏi cần phải điều chỉnh chương trình liên tục. Cạnh tranh giữa các trường ngày càng cao, đặc biệt trong giai đoạn tự chủ đại học. Các yêu cầu quốc tế (AUN-QA, ABET) ngày càng cao, gây áp lực lớn.

2. Thực trạng công tác bảo đảm chất lượng giáo dục Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ

2.1. Thành tựu

2.1.1. Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong

Về mạng lưới BDCL: Nhà trường đã thành lập Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng có chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục và chương trình đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Hội đồng đảm bảo chất lượng đã được thành lập có nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, tổ chức, triển khai, kiểm tra, giám sát thực hiện công tác đảm bảo chất lượng giáo dục theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Định kỳ hằng năm, Hội đồng BDCL tiến hành họp rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch BDCL trong từng giai đoạn, giám sát việc thực hiện kế hoạch BDCL của các đơn vị để điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu phấn đấu cho giai đoạn tiếp theo và tham mưu Hiệu trưởng ban hành kế hoạch và báo cáo đánh giá hoạt động BDCL năm học và từng giai đoạn.

Trong giai đoạn 2020 - 2025, Trường tiến hành xây dựng, rà soát và ban hành các văn bản quản lý nội bộ về các lĩnh vực hoạt động của trường. Các văn bản này cơ bản đáp ứng yêu cầu của Luật Giáo dục đại học và các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực giáo dục đại học.

Về hệ thống phần mềm quản lý thông tin BDCL: Xác định hệ thống thông tin BDCL bên trong và khai thác, sử dụng thông tin BDCL bên trong là yếu tố quan trọng nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Trường đã ban hành các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn về BDCL, trong đó có nội dung đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT) để bảo đảm hệ thống thông tin BDCL bên trong phục vụ tốt nhất cho hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Ngay từ khi thành lập Trường năm 2013, Trường đã đầu tư và trang bị hạ tầng CNTT-TT phục vụ tốt cho mọi hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, bao gồm: phần mềm quản lý giáo dục (Education), phần mềm quản lý nhân sự (HRM), phần mềm quản lý hành chính điện tử (EOffice), phần mềm thư viện số, các trang thông tin điện tử của trường và các đơn vị trực thuộc. Sau khi đạt chuẩn chất lượng CSGD - chu kỳ 1, Trường tiếp tục nâng cấp các phần mềm hiện có và xây dựng thêm phần mềm quản lý học tập trực tuyến, phần mềm quản lý khoa học công nghệ, phần mềm khảo sát các bên liên quan (BLQ) về các lĩnh vực hoạt động của Trường.

Trong giai đoạn 2020 - 2025, Trường luôn có phương án ứng dụng CNTT trong xây

dựng hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong, tăng cường rà soát các chức năng trên các phần mềm quản lý giáo dục hiện có, phối hợp công ty phần mềm cải tiến các chức năng trên hệ thống phần mềm hành chính điện tử nhằm đảm bảo hệ thống thông tin đồng bộ, thống nhất, bổ sung tính năng liên quan công tác giảng dạy của giảng viên được đồng bộ dữ liệu từ phần mềm Education.

2.1.2. Tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

(1) Công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng CSGD

Trường được công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục (giấy chứng nhận có giá trị từ 19/01/2021 - 19/01/2026).

Căn cứ Nghị số 10/2020/NQ-HĐKĐCLGD ngày 30/12/2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, Trường đã triển khai hoạt động cải tiến chất lượng ngay sau khi đạt chuẩn chất lượng.

Kết quả đạt được như sau:

- Ban hành Kế hoạch cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2021 - 2026; Kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục từng năm học.

- Hoàn thành Báo cáo giữa chu kỳ kiểm định chất lượng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2021 - 2023.

- Hoàn thành Báo cáo tự đánh giá CSGD - chu kỳ 2 giai đoạn 2021 - 2025.

(2) Công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng CTĐT

Giai đoạn 2020 - 2025, Trường triển khai tự đánh giá các CTĐT có sinh viên tốt nghiệp, đăng ký đánh giá ngoài. Kết quả đạt được như sau:

- Số CTĐT được cấp chứng nhận đạt chuẩn chất lượng 20/22 (đạt 90 %)

- Số CTĐT đang triển khai tự đánh giá: 03 CTĐT, trong đó có ngành Công nghệ thực phẩm - tự đánh giá chu kỳ 2 và 02 CTĐT chuẩn bị có sinh viên tốt nghiệp khóa đầu tiên.

2.1.3. Về đào tạo, bồi dưỡng công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng

Toàn thể cán bộ, giảng viên Trường được tập huấn về công tác tự đánh giá; tập huấn về xây dựng chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo và đề cương học phần.

Năm học 2024 - 2025, Trường đã cử 12 cán bộ, giảng viên học lớp bồi dưỡng về bảo đảm và kiểm định chất lượng. Tính đến tháng 12/2025, số viên chức có văn bằng, chứng chỉ, giấy Chứng nhận đào tạo, bồi dưỡng về BĐ-KĐCLGD là 20, trong đó có 02 thể kiểm định viên.

2.1.4. Công tác khảo sát và đo lường sự hài lòng các bên liên quan

Nhằm cải tiến và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, Trường triển khai xây dựng, rà soát và ban hành văn bản về hoạt động khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của trường.

Trong giai đoạn 2020 - 2025, hoạt động khảo sát các bên liên quan đóng vai trò cốt lõi cho mọi hoạt động của trường, cụ thể:

(1) *Cung cấp dữ liệu đầu vào cho BDCL*: phản ánh chất lượng thực tế của đào tạo và dịch vụ hỗ trợ, làm rõ khoảng cách giữa mục tiêu đào tạo và kết quả đạt của người học.

(2) *Đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra và sự phù hợp chương trình*: khảo sát giúp đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO) của người học, sự phù hợp của chương trình với yêu cầu thị trường lao động, đánh giá năng lực, kỹ năng người học sau tốt nghiệp; khảo sát cung cấp cứ liệu để điều chỉnh chương trình đào tạo, cải tiến phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá, xây dựng chương trình đào tạo mới.

(3) *Minh chứng bắt buộc trong tự đánh giá và kiểm định chất lượng CSGD và CTĐT*: bộ tiêu chuẩn đánh giá CSGD và CTĐT luôn có tiêu chí lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

(4) *Làm căn cứ để xây dựng và điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, kế hoạch chiến lược, chính sách*: kết quả khảo sát được sử dụng để phân tích SWOT; lựa chọn chỉ tiêu KPIs chiến lược; đề xuất giải pháp cải tiến chất lượng; đánh giá hiệu quả triển khai kế hoạch hàng năm.

(5) *Thúc đẩy văn hóa chất lượng và sự tham gia của xã hội*: khảo sát giúp nâng cao trách nhiệm giải trình của nhà trường và vai trò phản biện xã hội trong giáo dục; khảo sát giúp thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp, kết nối với cựu người học, tăng cường trách nhiệm cộng đồng.

2.2. Hạn chế, tồn tại

Trong giai đoạn 2020 - 2021, hoạt động bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đã đạt nhiều thành tích vượt trội đáng ghi nhận. Tuy nhiên do điều kiện thực tế, Nhà trường vẫn còn một số tồn tại, như sau:

(1) Hệ thống quản lý thông tin bảo đảm chất lượng bên trong chưa thật sự đồng bộ, thống nhất.

(2) Vẫn còn một số bộ phận, cán bộ, giảng viên chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của công tác BDCL gắn liền với chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, đơn vị. Từ đó việc lãnh đạo thực hiện các công việc tại một số đơn vị còn chậm và thiếu tính chủ động.

(3) Nhà trường còn bị động trong việc rà soát các chính sách ưu tiên để thúc đẩy các hoạt động ĐBCL và tổ chức đánh giá hiệu quả của việc cải tiến các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong thông qua sự cải thiện các chỉ số thực hiện chính về ĐT, NCKH và PVCĐ.

(4) Các bên liên quan tham gia khảo sát chưa thật sự hiệu quả cho việc xây dựng, rà soát cập nhật và cải tiến CTĐT, CTDH, CĐR, ... Việc triển khai đa dạng các phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá để đạt CĐR CTĐT còn chậm. Số lượng ngân hàng đề thi còn ít so với số lượng học phần của CTĐT.

(5) Việc phân tích, đánh giá cụ thể, toàn diện việc thực hiện các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính của các hoạt động của trường để làm cơ sở xây dựng và điều chỉnh kế hoạch phát triển trường, kế hoạch các lĩnh vực còn chậm.

(6) Việc xây dựng, rà soát, cập nhật và ban hành các văn bản quản lý nội bộ của một số lĩnh vực hoạt động còn chậm, chưa chi tiết hóa việc hướng dẫn quy trình thực hiện.

PHẦN II
CHIẾN LƯỢC BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 74/2014/QH13 và Luật số 97/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022 - 2030;

Căn cứ Thông tư 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ xây dựng Kế hoạch chiến lược bảo đảm chất lượng giáo dục Trường giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035, cụ thể như sau:

1. Sứ mạng

Đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ, vùng Đồng bằng sông cửu Long và cả nước.

2. Tầm nhìn

Đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng, quản lý liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

3. Tầm nhìn về bảo đảm chất lượng giáo dục

Chất lượng giáo dục của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ đạt chuẩn quốc gia, phấn đấu đạt chuẩn khu vực/quốc tế, góp phần thực hiện tốt sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường.

4. Xác định chính sách chất lượng

Chất lượng là nền tảng, đảm bảo sự tồn tại và phát triển bền vững. Cùng với chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, tập thể cán bộ, viên chức

PH. C. AN. T.

và giảng viên Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ cam kết chính sách chất lượng như sau:

(1) Chính sách ưu tiên về hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong: Hoàn thiện hệ thống BĐCL bên trong đồng bộ từ cấp trường đến đơn vị; Chuẩn hóa quy trình BĐCL theo tiêu chuẩn kiểm định; Ứng dụng hệ thống thông tin quản lý chất lượng.

(2) Chính sách ưu tiên nâng cao chất lượng đào tạo: Phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra (OBE); Đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá; Tăng cường gắn kết doanh nghiệp.

(3) Chính sách ưu tiên phát triển nguồn nhân lực phục vụ BĐCL: Bồi dưỡng chuyên môn BĐCL cho cán bộ, giảng viên; Phát triển đội ngũ chuyên trách kiểm định chất lượng; Khuyến khích nghiên cứu và công bố về BĐCL.

(4) Chính sách ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong BĐCL: Xây dựng hệ thống quản lý thông tin BĐCL tích hợp; Số hóa khảo sát và báo cáo; Phân tích dữ liệu phục vụ ra quyết định.

(5) Chính sách ưu tiên hoạt động tự đánh giá và kiểm định chất lượng: Tự đánh giá cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo; Đánh giá ngoài định kỳ; Cải tiến sau kiểm định.

(6) Chính sách ưu tiên khảo sát và phản hồi các bên liên quan: Thu thập phản hồi thường xuyên; Sử dụng kết quả khảo sát để cải tiến.

(7) Chính sách ưu tiên giám sát và cải tiến chất lượng dựa trên KPIs: Hệ thống chỉ số BĐCL cấp trường và đơn vị; Theo dõi định kỳ; Báo cáo cải tiến hằng năm.

5. Trách nhiệm về công tác bảo đảm chất lượng

5.1. Ban Giám hiệu

Chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện nâng cao chất lượng trong mọi hoạt động của Trường; chỉ đạo xây dựng văn hóa chất lượng trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đóng góp với ngành, xã hội.

Đảm bảo các nguồn lực để triển khai các kế hoạch BĐCL trong Trường.

Chỉ đạo hoạt động bảo đảm và kiểm định chất lượng Trường và các chương trình đào tạo.

Chỉ đạo, kiểm tra giám sát các đơn vị trực thuộc, các đoàn thể thực hiện tốt chiến lược BĐCL Trường.

5.2. Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng

Đảm nhận vai trò là đơn vị thường trực về hoạt động đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục của Trường.

Tham mưu lãnh đạo Trường về mục tiêu, chính sách, thủ tục, quy định, quy trình và kế hoạch cụ thể liên quan đến việc thực hiện công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục; Tham mưu điều phối các hoạt động tự đánh giá, đánh giá ngoài; Giám sát và hỗ trợ các đơn vị thuộc Trường về các hoạt động chuyên môn trong công tác đảm bảo chất lượng giáo dục.

5.3. Các phòng chức năng

Thực hiện việc xây dựng, triển khai kế hoạch và đánh giá kết quả hoạt động, kế

hoạch cải tiến chất lượng của lĩnh vực chuyên môn theo các tiêu chuẩn chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo; bảo quản, lưu trữ các minh chứng phục vụ cho công tác đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng. Chịu trách nhiệm về chất lượng các hoạt động quản lý chuyên môn theo yêu cầu chức năng, nhiệm vụ được giao.

5.4. Các Khoa/Bộ môn

Đảm nhận vai trò là đơn vị thường trực về hoạt động bảo đảm và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của Khoa; Chỉ đạo thực hiện công tác ĐBCL, kiểm định chất lượng và cải tiến chất lượng của Khoa/Bộ môn; Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục của Khoa/Bộ môn.

Xây dựng, triển khai kế hoạch và đánh giá kết quả hoạt động, cải tiến chất lượng của Khoa/Bộ môn; Rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo của Khoa theo quy định.

5.4. Giảng viên

Tham gia công tác ĐBCL và kiểm định chất lượng theo yêu cầu của đơn vị; Tham gia xây dựng, rà soát, đánh giá, cải tiến chương trình đào tạo, hoạt động giảng dạy và phương pháp đánh giá.

Chịu trách nhiệm về chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học, cố vấn học tập cho người học.

Rèn luyện nâng cao nghiệp vụ, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, cải tiến phương pháp giảng dạy và nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng giảng dạy.

5.6. Chuyên viên

Chịu trách nhiệm về chất lượng các hoạt động chuyên môn được giao; Đóng góp ý kiến cho lãnh đạo đơn vị nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục.

Tham gia các hoạt động nâng cao năng lực về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng theo yêu cầu của đơn vị.

5.7. Người học

Có trách nhiệm về chất lượng học tập của bản thân. Tham gia các hoạt động về đảm bảo và kiểm định chất lượng theo yêu cầu.

Đóng góp ý kiến để Trường cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo thông qua các phản hồi về chương trình đào tạo, hoạt động dạy và học, cơ sở vật chất, các hoạt động hỗ trợ sinh viên, các hoạt động phục vụ cộng đồng.

6. Mục tiêu chiến lược bảo đảm chất lượng giáo dục Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030

6.1. Mục tiêu chung

Chiến lược phát triển bảo đảm chất lượng giáo dục của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030 nhằm xây dựng và hoàn thiện hệ thống ĐBCL bên trong (Internal Quality Assurance - IQA) đồng bộ, hiệu quả và bền vững; bảo đảm mọi hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và phục vụ cộng đồng đạt chuẩn quốc gia và tiếp cận chuẩn khu vực, quốc tế.

Mục tiêu chung được xác định như sau:

(1) Thiết lập văn hóa chất lượng bền vững trong toàn trường, tạo nền tảng cho mọi cán bộ, giảng viên, sinh viên nhận thức và hành động hướng đến văn hóa chất lượng trong mọi hoạt động.

(2) Hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong theo các văn bản, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo hoạt động tự đánh giá và kiểm định chất lượng trở thành quy trình thường xuyên, liên tục, có minh chứng rõ ràng.

(3) Nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và phục vụ cộng đồng đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và hội nhập quốc tế.

(4) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác bảo đảm chất lượng, giúp quản trị dữ liệu, báo cáo và phân tích minh chứng nhanh chóng, chính xác, minh bạch.

(5) Nâng cao năng lực đội ngũ quản lý và cán bộ phụ trách công tác bảo đảm chất lượng, đảm bảo năng lực chuyên môn đạt chuẩn quốc gia và định hướng chuẩn quốc tế, có khả năng dẫn dắt và tham mưu chiến lược phát triển chất lượng dài hạn.

(6) Tăng cường hợp tác, chia sẻ và học hỏi kinh nghiệm với các cơ sở giáo dục đại học, tổ chức kiểm định chất lượng trong và ngoài nước nhằm mở rộng mạng lưới và nâng cao vị thế của Trường.

(7) Hướng đến kiểm định và công nhận đạt chuẩn khu vực hoặc quốc tế đối với một số chương trình đào tạo đến năm 2030, tạo nền tảng cho giai đoạn phát triển 2030 - 2035 theo hướng đại học đổi mới sáng tạo và thông minh.

6.2. Mục tiêu cụ thể

(1) Hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong (IQA)

- Xây dựng, ban hành và triển khai bộ quy trình bảo đảm chất lượng CSGD và CTĐT, đồng bộ với khung AUN-QA và quy định của Bộ GDĐT.

- 100% đơn vị thuộc trường (khoa, phòng, trung tâm) có kế hoạch đảm bảo chất lượng nội bộ hằng năm, gắn với kế hoạch chiến lược chung của trường.

- Thiết lập hệ thống thông tin quản lý chất lượng (QMS – Quality Management System) trên nền tảng chuyển đổi số, cho phép theo dõi, lưu trữ và phân tích minh chứng chất lượng theo thời gian thực.

(2) Nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và người học

- Khảo sát 100% số môn học/học phần trong Trường về hoạt động giảng dạy của giảng viên; Trên 90% sinh viên đang học tham gia khảo sát về các lĩnh vực hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; Trên 80 % sinh viên tốt nghiệp tham gia khảo sát về tình hình việc làm.

- Khảo sát ít nhất 20 doanh nghiệp, nhà tuyển dụng góp ý về chương trình đào tạo nhằm tăng cường hoạt động đảm bảo chuẩn đầu ra (PLO) của CTĐT gắn với yêu cầu của thị trường lao động và doanh nghiệp.

- 100% cán bộ, giảng viên, chuyên viên được khảo sát về các lĩnh vực hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng và về môi trường làm việc.

- Đến năm 2030, 100% chương trình đào tạo được tự đánh giá, đạt chuẩn chất lượng chu kỳ 2 và cải tiến theo tiêu chuẩn của Bộ GDĐT, trong đó có 10% chương trình đào tạo được kiểm định đạt chuẩn khu vực hoặc quốc tế.

(3) Phát triển năng lực đội ngũ và văn hóa chất lượng

- 100% cán bộ phụ trách BDCL ở cấp trường và đơn vị (khoa, phòng, trung tâm) được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ đảm bảo chất lượng, trong đó mỗi phòng, khoa có ít nhất 01 viên chức có chứng chỉ chuyên môn trong nước hoặc quốc tế về bảo đảm và kiểm định chất lượng và có ít nhất 02 thẻ kiểm định viên.

(4) Đẩy mạnh công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng

- Hoàn thành tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục chu kỳ 2, đảm bảo cải tiến liên tục sau mỗi chu kỳ kiểm định.

- Duy trì kiểm định cấp cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và tiến tới chuẩn AUN-QA trước năm 2040.

- Tăng cường hoạt động đối sánh (benchmarking) chất lượng với các trường đại học kỹ thuật - công nghệ trong nước và khu vực.

(5) Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng trong BDCL

- Phát triển đề tài nghiên cứu khoa học về quản lý và đảm bảo chất lượng giáo dục, tối thiểu 03 đề tài cấp trường đến năm 2030.

- Xây dựng ngân hàng minh chứng chất lượng điện tử, phục vụ cho công tác tự đánh giá, kiểm định, phân tích dữ liệu và ra quyết định chiến lược.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu lớn (Big Data) trong giám sát, đánh giá và dự báo xu hướng chất lượng đào tạo.

(6) Mở rộng hợp tác trong và ngoài nước về bảo đảm chất lượng

- Thiết lập ít nhất 05 thỏa thuận hợp tác với các tổ chức kiểm định, trường đại học trong nước về BDCL.

- Phân đầu tham gia Tổ chức mạng lưới bảo đảm chất lượng của các trường đại học ASEAN (AUN-QA).

- Nghiên cứu thử nghiệm mô hình diễn đàn chất lượng CTUT nhằm trao đổi và chia sẻ thực hành tốt trong đảm bảo chất lượng đại học.

6.3. Chỉ tiêu thực hiện

Bảng 2. Chỉ tiêu thực hiện về hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong (IQA)

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức đạt được đến năm 2030
1	Ban hành đầy đủ bộ quy trình BDCL về các lĩnh vực của trường.	Bộ quy trình	≥ 30 quy trình
2	Tỷ lệ đơn vị có kế hoạch BDCL hàng năm gắn với chiến lược trường	%	≥ 100%
3	Xây dựng và vận hành phần mềm quản lý BDCL tích hợp	Hệ thống	01 hệ thống hoàn chỉnh

Bảng 3. Chỉ tiêu thực hiện về tự đánh giá và kiểm định chất lượng

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức đạt được đến năm 2030
1	Hoàn thành tự đánh giá CSGD chu kỳ 2	Hồ sơ	≥ 2 đợt
2	Đạt chuẩn kiểm định CSGD cấp quốc gia	Giấy chứng nhận	01
3	Số chương trình đào tạo tự đánh giá theo Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT	CTĐT	≥ 19 CTĐT
4	Số chương trình đào tạo được kiểm định đạt chuẩn trong nước hoặc quốc tế	CTĐT	≥ 13 CTĐT
5	Duy trì tỷ lệ hài lòng của người học ≥ 85% trong khảo sát hằng năm	%	≥ 85%

Bảng 4. Chỉ tiêu thực hiện về đội ngũ và văn hóa chất lượng

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức đạt được đến năm 2030
1	Tỷ lệ cán bộ BĐCL được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu	%	100%
2	Số chứng chỉ, khóa học chuyên môn về bảo đảm và kiểm định chất lượng	Chứng chỉ, Chứng nhận	≥ 30
3	Số hoạt động truyền thông, tập huấn, hội thảo về bảo đảm chất lượng được tổ chức	Sự kiện	≥ 10
4	Xây dựng Cẩm nang văn hóa chất lượng/Sổ tay BĐCL và ban hành	Tài liệu	01 bộ chính thức

Bảng 5. Chỉ tiêu thực hiện về nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng trong BĐCL

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức đạt được đến 2030
1	Số đề tài nghiên cứu khoa học về đảm bảo chất lượng cấp trường	Đề tài	≥ 5
2	Số bài báo khoa học công bố trên tạp chí trong nước/quốc tế về BĐCL	Bài báo	≥ 8
3	Xây dựng, vận hành ngân hàng minh chứng điện tử	Hệ thống	01 hệ thống
4	Ứng dụng AI hoặc phân tích dữ liệu lớn (Big Data) trong báo cáo BĐCL	Mô-đun	≥ 01 mô-đun triển khai

Bảng 6. Chỉ tiêu thực hiện về hợp tác và đối sánh chất lượng

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức đạt được đến năm 2030
1	Số biên bản ghi nhớ (MoU) với các trường, tổ chức kiểm định trong và ngoài nước	MoU	≥ 5
2	Tham gia mạng lưới ĐBCL khu vực hoặc quốc tế	Thành viên	≥ 1 mạng lưới

4	Thực hiện đối sánh (benchmarking) chất lượng với các trường cùng nhóm ngành	Báo cáo	≥ 3 đợt
---	---	---------	--------------

Bảng 7. Các phiên bản chương trình đào tạo trong chu kỳ tự đánh giá và kiểm định chất lượng

Đơn vị tính: Năm

TT	Chương trình đào tạo	Năm mở ngành	Các phiên		
			Phiên bản 1	Phiên bản 2	Phiên bản 3
I	Khoa Công nghệ thông tin				
1.	Hệ thống thông tin	2013	2022	2025	2027*
2.	Kỹ thuật phần mềm	2014	2024/2025	2027	2029*
3.	Khoa học máy tính	2015	2024/2025	2027	2029*
4.	Khoa học dữ liệu	2019	2024/2025	2027	2028/2029*
5.	Công nghệ thông tin	2020	2024/2025	2027	2029/2030*
II	Khoa Điện - Điện tử				
6.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2013	2022	2025	2027
7.	Kỹ thuật năng lượng	2021	2021	2022/2023	2025*
III	Khoa Kỹ thuật cơ khí				
8.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	2014	2022	2025	2027*
9.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	2015	2024/2025	2027	2029*
IV	Khoa Kỹ thuật xây dựng				
10.	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	2015	2022	2025	2027*
11.	Quản lý xây dựng	2015	2024/2025	2027	2029*
V	Khoa CNHH-CNSH-CNTP				
12.	Công nghệ thực phẩm	2013	2021	2022/2023	2025*
13.	Công nghệ sinh học	2018	2024/2025	2027	2029*
14.	Công nghệ kỹ thuật hóa học	2021	2021	2022/2023	2025*
15.	Công nghệ thực phẩm (Thạc sĩ)	2023	2023	2025/2026*	2028/2029*
VI	Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp				
16.	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	2013	2024/2025	2027	2029*
17.	Quản lý công nghiệp	2014	2022	2025	2027*
18.	Logistics và quản lý chuỗi	2019	2024/2025	2027	2029/2030*

TT	Chương trình đào tạo	Năm mở ngành	Các phiên		
			Phiên bản 1	Phiên bản 2	Phiên bản 3
	cung ứng				
19.	Tài chính ngân hàng	2021	2024/2025	2027	2028/2029*
20.	Kế toán	2021	2024/2025	2027	2028/2029*
21.	Quản trị kinh doanh	2021	2024/2025	2027	2028/2029*
VII	Khoa Khoa học xã hội				
22.	Luật	2021	2024/2025	2027	2028/2029*
23.	Ngôn ngữ Anh	2021	2024/2025	2027	2028/2029*

Ghi chú: () CTĐT cần đánh giá tổng thể theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT.*

7. Các giải pháp

(1) Tuyên truyền, phổ biến để nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của cán bộ, giảng viên, chuyên viên và người học về công tác BĐCL giáo dục, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên trong triển khai tổ chức các hoạt động theo từng năm học.

(2) Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và các tổ chức đoàn thể tích cực kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác BĐCL tại đơn vị. Chú ý việc bảo quản, lưu trữ và sắp xếp hệ thống minh chứng.

(3) Đẩy mạnh việc đầu tư các nguồn lực cho việc đào tạo, bồi dưỡng nhằm duy trì, củng cố và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng.

(4) Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng cấp Trường và cấp chương trình đào tạo, đầu tư cải tiến nâng cao chất lượng theo kế hoạch cải tiến sau tự đánh giá và đánh giá ngoài.

8. Định hướng phát triển BĐCL Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ đến năm 2035

8.1. Định hướng chung

Tiếp tục củng cố và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong (IQA) theo hướng tự chủ, minh bạch và số hóa toàn diện, trở thành một nền tảng quản trị chiến lược của nhà trường.

Gắn kết hoạt động BĐCL với đổi mới chương trình đào tạo, NCKH, khởi nghiệp và phục vụ cộng đồng, nhằm hình thành văn hóa chất lượng bền vững.

Định hướng đạt chuẩn kiểm định quốc tế cho CSGD và các chương trình trọng điểm, hướng tới vị thế đại học ứng dụng theo xu thế đổi mới sáng tạo hàng đầu vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

8.2. Định hướng phát triển theo từng lĩnh vực

(1) Về hệ thống bảo đảm chất lượng nội bộ (IQA)

Hoàn thiện mô hình hệ thống quản lý chất lượng tích hợp (Integrated Quality Management System – IQMS) dựa trên nền tảng dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI).

Triển khai Bản đồ chất lượng (Quality Map) cho từng đơn vị, giúp đo lường và theo dõi kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược.

Kết nối dữ liệu BĐCL với các hệ thống quản lý đào tạo, NCKH, tài chính, nhân sự và khảo thí nhằm đồng bộ hóa quản trị đại học số.

(2) Về kiểm định chất lượng và công nhận quốc tế

Mở rộng quy mô kiểm định:

- 100% chương trình đào tạo đạt kiểm định trong nước.
- 50% chương trình đạt chuẩn khu vực hoặc quốc tế (AUN-QA, ABET, ...).
- Hướng tới kiểm định cơ sở giáo dục theo chuẩn quốc tế (AUN-QA).
- Tăng cường tự đánh giá định kỳ và đánh giá đồng cấp (peer review) giữa các khoa trong trường và giữa các trường trong mạng lưới vùng.

(3) Về đội ngũ và văn hóa chất lượng

- Xây dựng đội ngũ chuyên gia chất lượng cấp trường, có khả năng tham gia tư vấn, đánh giá ngoài cho các trường đại học.
- Đưa năng lực BĐCL vào tiêu chí đánh giá bổ nhiệm, đề bạt, đánh giá xếp loại viên chức, giảng viên.

- Phát triển văn hóa chất lượng số (Digital Quality Culture), hướng tới mọi hoạt động đều dựa trên minh chứng dữ liệu, minh bạch và cải tiến liên tục.

(4) Về hợp tác và hội nhập chất lượng

- Phân đầu tham gia tích cực vào các mạng lưới BĐCL quốc tế.
- Phân đầu ký kết thỏa thuận công nhận lẫn nhau về kiểm định và chuẩn đầu ra với các trường trong khu vực ASEAN.

(5). Về chuyển đổi số trong bảo đảm chất lượng

Hoàn thiện nền tảng IQA số của CTUT với các chức năng:

- Quản lý minh chứng điện tử.
- Phân tích KPIs chất lượng theo thời gian thực.
- Hệ thống cảnh báo sớm (Early Warning System) cho các chỉ tiêu chất lượng.
- Ứng dụng AI hỗ trợ viết báo cáo tự đánh giá, phân tích khảo sát và lập kế hoạch cải tiến.
- Tích hợp hệ thống BĐCL vào Data Center của trường, đảm bảo an toàn, bảo mật và truy xuất dữ liệu thông minh.

(6) Về nghiên cứu và đổi mới trong lĩnh vực BĐCL

Thử nghiệm mô hình Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao về bảo đảm chất lượng giáo dục (CTUT-QA Center).

Khuyến khích giảng viên, chuyên viên tham gia các đề tài khoa học, bài báo quốc tế liên quan đến QA, IR (Institutional Research), QA Analytics.

Tham gia đề án mạng lưới nghiên cứu so sánh chất lượng giáo dục ASEAN (Comparative QA Research).

8.3. Mục tiêu kỳ vọng đến năm 2035

Nội dung	Mục tiêu
Chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế	$\geq 30\%$ chương trình
Hệ thống quản lý IQMS	Vận hành đồng bộ, tích hợp toàn trường
Tỷ lệ hài lòng của người học, giảng viên	$\geq 90\%$
Tỷ lệ giảng viên tham gia tập huấn QA chuyên sâu	$\geq 95\%$
Tham gia mạng lưới quốc tế về QA	≥ 2 mạng lưới
Báo cáo NCKH về QA hằng năm	≥ 2 bài/năm

8.4. Tầm nhìn đến năm 2035

Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành một trong những trường top đầu về bảo đảm chất lượng giáo dục đại học khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, được công nhận là đơn vị tiên phong trong chuyển đổi số và hội nhập quốc tế về chất lượng giáo dục.

9. Tổ chức thực hiện

Trên cơ sở Kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035, Hiệu trưởng đề nghị các đơn vị trực thuộc, các tổ chức đoàn thể và cá nhân có liên quan chủ động xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học để triển khai thực hiện các nội dung liên quan./.